

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ

Số: 60 /GPMT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 16 tháng 5 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Vicofrit tại Công văn số 27/CV-VC ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường; Công văn số 14/CV-VC ngày 14 tháng 4 năm 2025 về giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất men frit và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Tờ trình số 1099/TTr-KKTCN ngày 12 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Vicofrit, địa chỉ tại Khu B, Khu công nghiệp Phong Điền, thị xã Phong Điền, thành phố Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sản xuất men frit với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất men frit.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN12, Khu B, Khu công nghiệp Phong Điền, thị xã Phong Điền, thành phố Huế.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án số 8351632315, được Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp chứng nhận lần đầu ngày 12 tháng 10 năm 2021, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 05 tháng 12 năm 2024.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 3301690095, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2021.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Diện tích sử dụng đất: 22.000 m².

- Quy mô công suất: 20.000 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý và tuần hoàn, tái sử dụng nước thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Vicofrit có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô

nhầm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu theo quy định và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về nội dung báo cáo, tính pháp lý, tính chính xác, đầy đủ về hồ sơ, nội dung thẩm định trình UBND thành phố Huế theo đúng các quy định hiện hành.

2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND thị xã Phong Điền;
- Công ty Cổ phần Vicofrit;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- VP: LĐ và các CV: TH, DN;
- Lưu VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 60 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2025
của UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Bụi, khí thải phát sinh tại Dự án từ các nguồn sau:

- Nguồn số 1: Khí thải phát sinh tại lò nung số 1.
- Nguồn số 2: Khí thải phát sinh tại lò nung số 2.
- Nguồn số 3: Khí thải phát sinh tại công đoạn sấy nghiền.
- Nguồn số 4: Khí thải phát sinh tại công đoạn đồng nhất cân trộn nguyên liệu.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải

Dự án có 04 dòng khí thải phát sinh sau xử lý xả thải vào môi trường, bao gồm:

- Dòng khí thải tại lò nung số 1.
- Dòng khí thải tại lò nung số 2.
- Dòng khí thải tại thiết bị xử lý bụi của công đoạn sấy nghiền.
- Dòng khí thải tại thiết bị xử lý bụi của công đoạn đồng nhất cân trộn nguyên liệu.

2.2. Vị trí xả thải: Tại 03 ống khói và 01 ống thải

Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰):

STT	Vị trí	Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 107, múi chiều 3 ⁰	
		X(m)	Y(m)
1	Ống khói lò nung số 1	1.836.157,87	539.888,68
2	Ống khói lò nung số 2	1.836.176,17	539.885,17
3	Ống khói của công đoạn sấy nghiền	1.836.156,44	539.865,75
4	Ống thải sau các thiết bị xử lý bụi của công đoạn đồng nhất cân trộn nguyên liệu	1.836.143,07	539.865,78

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 41.950 m³/giờ, trong đó:

- Khí thải phát sinh từ lò nung số 1 với lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 13.500 m³/giờ.
- Khí thải phát sinh từ lò nung số 2 với lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 13.500 m³/giờ.
- Bụi phát sinh tại công đoạn đồng nhất cân trộn nguyên liệu với lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 3.850 m³/giờ.
- Khí thải phát sinh tại công đoạn sấy nghiền với lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 11.100 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả khí thải: Cường bức, liên tục trong thời gian hoạt động.

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường phải đảm bảo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, giá trị C_{max} , $K_p = 0,9$ và $K_v = 1,0$).

- Khí thải phát sinh sau lò nung, lò sấy (dòng khí thải tại lò nung số 1, lò nung số 2 và công đoạn sấy nghiền).

STT	Chất ô nhiễm	Giá trị giới hạn cho phép	Đơn vị tính	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	180	mg/Nm ³	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan liên quan có thẩm quyền	Không
2	CO	900	mg/m ³		
3	SO ₂	450	mg/m ³		
4	NO _x (tính theo NO ₂)	765	mg/m ³		

- Khí thải phát sinh sau thiết bị xử lý bụi (công đoạn đồng nhất cân trộn nguyên liệu)

STT	Chất ô nhiễm	Giá trị giới hạn cho phép	Đơn vị tính	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	180	mg/Nm ³	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan liên quan có thẩm quyền	Không

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải tại các công đoạn sản xuất

Chủ dự án đã lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý bụi tại các điểm phát sinh bụi trong các công đoạn sản xuất.

Tại công đoạn sấy nghiền, khí thải từ lò nung được dẫn theo đường ống inox đường kính D600mm, chiều dài 30m để cấp nhiệt qua máy sấy, khí nóng sau sấy được chuyển qua thùng tích áp lắng bụi trước khi dẫn qua hệ thống xử lý bụi bằng cyclone công suất 7,5kW. Bụi, khí thải đi theo phương tiếp tuyến với ống trụ; sau đó được chuyển động theo vòng xoáy tròn hướng xuống dưới. Khi dòng khí gặp phễu sẽ bị đẩy ngược lên và chuyển động xoáy trong ống trụ của thiết bị. Dòng khí trong Cyclone sẽ chuyển động liên tục và các hạt bụi dưới tác dụng ly tâm sẽ va vào thành thiết bị và rơi xuống đáy của hệ thống. Bụi thu gom ở thùng tích áp và Cyclone sẽ được tái sử dụng dùng làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất.

Tại công đoạn đồng nhất cân trộn nguyên liệu, bụi phát sinh được thu gom thông qua hệ thống 7 chụp hút hình phễu, đầu nối đỉnh chụp hút với đường ống PVC đường kính D110mm vào thùng máy hút bụi. Bụi được hút vào sẽ lọc qua hệ thống lọc bụi tay áo bằng túi vải công suất 2,2kW. Tại đây, các hạt bụi sẽ được giữ lại, thông qua hệ thống khí nén để rũ bụi bằng điều khiển tự động làm cho bụi rơi xuống đáy thiết bị và sẽ được thu hồi vào thùng chứa để tái sử dụng. Khi bụi bám nhiều trên bề mặt của ống tay áo sẽ tiến hành thay túi lọc bụi định kỳ để tránh tắt lọc. Khí sạch xuyên qua túi lọc để đi lên trên đỉnh của thiết bị và được quạt đẩy ra ngoài môi trường thông qua ống thải.

Số lượng hệ thống lọc bụi tay áo đã được chủ dự án lắp đặt để thu gom tại các điểm phát thải bên trong nhà máy là 7 thiết bị. Quá trình vận hành, chủ dự án không sử dụng hóa chất để xử lý.

1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi tại trạm khí hóa than

Bụi, khí thải phát sinh tại trạm khí hóa than được xử lý bằng hệ thống Cyclone trước khi dẫn khí vào đốt ở lò nung frit. Cyclone không có cấu tạo thân hình trụ và đáy hình chóp, dòng không khí nóng chứa bụi theo đường ống dẫn vào Cyclone theo hướng tiếp tuyến với thân hình trụ, tại đây dòng không khí chứa bụi chuyển động theo hình xoắn ốc, dưới tác dụng của lực ly tâm bụi được tách ra khỏi dòng không khí lắng xuống đáy và rơi vào buồng chứa bụi. Không khí nóng được tách bụi chuyển động lên trên và đi ra ngoài Cyclone. Chất thải

lắng ở buồng chứa chính là tro bay, được thu gom về kho chứa xỉ than.

Chủ dự án lắp đặt 01 Cyclone xiên cổ ngỗng với vật liệu thép tiền chế có thông số kỹ thuật với chiều cao 5,9m, đầu vào miệng nhỏ, đầu ra miệng lớn để tăng khả năng va đập và cuộn xoáy của dòng khí đi qua và 01 Cyclone đứng với vật liệu thép tiền chế có thông số kỹ thuật với chiều cao là 6,2m, buồng lắng với chiều cao 2m, thân buồng cao 6,2m, đường kính 2,4m, buồng xử lý khí xoáy cao 4,66m. Quá trình vận hành, chủ dự án không sử dụng hóa chất để xử lý.

1.3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải tại lò nung và lò sấy

Chủ dự án lắp đặt 02 lò nung với kết cấu và quy trình hoạt động hoàn toàn giống nhau. Nhiên liệu được cấp cho hoạt động của lò nung là khí thu được từ trạm khí hóa than. Khí được cấp đến lò nung qua buồng trao đổi nhiệt. Buồng trao đổi nhiệt có hệ thống gạch gốm xếp dích dắc nên bụi thải bị va đập và tích tụ dưới hệ thống trao đổi nhiệt, lượng bụi này khi làm vệ sinh thu hồi lại để đưa vào làm nguyên liệu để nấu frit. Ngoài ra, buồng trao đổi nhiệt có chức năng hạ nhiệt khí thải, lắng bụi, giảm hàm lượng CO, SO₂, NO_x. Khí thải một phần theo 02 ống khói lò nung xả ra môi trường không khí (mỗi ống có chiều cao 16m, đường kính D400); phần còn lại được dẫn qua lò sấy rồi qua hệ thống Cyclone. Cyclone có cấu tạo thân hình trụ và đáy hình chóp, dòng khí thải chứa bụi theo đường ống dẫn vào Cyclone theo hướng tiếp tuyến với thân hình trụ. Dòng khí thải chuyển động theo hình xoắn ốc, dưới tác dụng của lực ly tâm, bụi được tách ra khỏi dòng khí lắng xuống đáy và rơi vào buồng chứa bụi. Bụi lắng ở buồng chứa sẽ được thu hồi tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất.

Chủ dự án lắp đặt 01 thiết bị Cyclone tại 01 lò sấy có thông số kỹ thuật với chiều cao là 4,8m, đường kính 1,2m, công suất quạt hút khói là 7,5kW. Chiều cao ống khói của lò sấy là 16m, có đường kính D400. Quá trình vận hành, chủ dự án không sử dụng hóa chất để xử lý.

Khí thải sau khi ra khỏi 02 ống khói lò nung (*lò nung số 01 và lò nung số 02*) và 01 ống khói lò sấy đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ (giá trị C_{max}, cột B, K_p=0,9, K_v=1,0).

1.4. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải, hệ thống lọc bụi theo đúng quy trình kỹ thuật, hướng dẫn của nhà cung cấp;
- Tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc theo đúng định kỳ, hướng dẫn của nhà cung cấp;

- Bố trí cán bộ, công nhân thường xuyên theo dõi hệ thống để kịp thời phát hiện các sự cố xảy ra như: hỏng hóc máy móc, khí thải xử lý chưa đảm bảo chất lượng theo yêu cầu,...; bố trí nhân viên kiểm tra hệ thống Trạm khí hóa than, đường ống dẫn khí. Khi có sự cố về hệ thống xử lý khí thải, tạm thời dừng hệ thống và dừng các hoạt động sản xuất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng.

Trước khi bắt đầu quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo, gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về môi trường (*Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND thị xã Phong Điền*) để kiểm tra, giám sát theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải lò nung số 1.
- Hệ thống xử lý khí thải lò nung số 2.
- Hệ thống xử lý khí thải lò sấy.
- Thiết bị lọc bụi (7 máy lọc bụi).

2.3. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí 1: Tại ống khói lò nung số 1.
- Vị trí 2: Tại ống khói lò nung số 2.
- Vị trí 3: Tại ống khói lò sấy.
- Vị trí 4: Tại ống thải sau các thiết bị xử lý bụi.

(Theo tọa độ được cấp phép xả thải tại Phần A của Phụ lục này).

2.4. Thông số chính và giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm:

- Vị trí 1 đến vị trí 3: Lưu lượng, bụi tổng, SO₂, CO, NO_x (tính theo NO₂).
- Vị trí 4: Lưu lượng, bụi tổng.

2.5. Tần suất lấy mẫu: Ít nhất 03 đợt/03 ngày liên tiếp (*trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đạc vào ngày tiếp theo*). Loại mẫu: mẫu đơn.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A nêu trên trước khi xả thải ra ngoài môi trường./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ VÀ TUẦN HOÀN TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 60 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2025
của UBND thành phố)

A. THÔNG TIN VỀ NƯỚC THẢI CỦA DỰ ÁN

1. Các nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải từ hoạt động vệ sinh tay chân của cán bộ công nhân viên.
- Nguồn số 2: Nước thải từ hoạt động vệ sinh của cán bộ công nhân viên.
- Nguồn số 3: Nước thải từ nhà ăn.
- Nguồn số 4: Nước thải phát sinh từ phòng thí nghiệm.
- Nguồn số 5: Nước thải phát sinh từ bể tạo hạt.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn nước tiếp nhận

Toàn bộ nước thải sau khi được xử lý sơ bộ tại hệ thống xử lý nước thải cục bộ của dự án được chủ dự án tự xử lý, dẫn về bể chứa nước tuần hoàn 100% nhằm tái sử dụng cho hoạt động sản xuất.

2.2. Vị trí xả nước thải

Chủ dự án tuần hoàn tái sử dụng, không xả thải vào môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ VÀ TUẦN HOÀN, TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI

1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

Tất cả các nguồn phát sinh nước thải tại dự án được thu gom bằng hệ thống đường ống PVC. Nước thải sinh hoạt (*Nước rửa tay chân được tách rác sơ bộ; nước thải tại các bồn xí, bồn tiểu được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn; nước thải từ nhà ăn được xử lý sơ bộ tại bể tách dầu mỡ*) được dẫn vào ngăn chứa. Nước thải chảy qua ngăn lắng để lắng và phân hủy cặn lắng. Sau đó được dẫn qua ngăn lọc; nước thải từ phòng thí nghiệm được dẫn trực tiếp vào ngăn lọc có chứa các lớp đá 4x6, than hoạt tính để lọc chất rắn lơ lửng và hấp thụ màu, mùi của nước thải. Nước thải sau xử lý được bơm dẫn về bể chứa nước tuần hoàn sản xuất bằng đường ống inox đường kính D400 dài 100m. Nước thải phát sinh tại công đoạn tạo hạt được thu gom bằng ống PVC đường kính D400 dài 100m đến bể chứa nước tuần hoàn sản xuất, không xả thải ra môi trường.

Chủ dự án phải đảm bảo tách riêng hoàn toàn hệ thống thu gom nước thải và hệ thống thu gom nước mưa của dự án, đảm bảo nước thải được thu gom, xử lý và tái sử dụng triệt để. Tuyệt đối không phát sinh bất kỳ điểm xả, điểm đầu nổi nước thải so với Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án.

2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Chủ dự án sử dụng 01 ngăn tách dầu mỡ có kết cấu BTCT (với kích thước 1,8m x 1,6m x 1,5m). Nước thải từ nhà ăn được thu gom đến ngăn tách dầu mỡ. Sau khi tách dầu mỡ, phần nước thải ở dưới cùng được dẫn đến ngăn chứa có kết cấu BTCT (với kích thước 4,2m x 1,5m x 1,5m).

Chủ dự án xây dựng 01 bể lắng có kết cấu BTCT (với kích thước 2,4m x 1,6m x 1,5m). Ngăn lắng thực hiện 2 chức năng lắng và phân hủy cặn lắng. Phần cặn lắng được giữ lại trong bể từ 3 - 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Sau đó, nước thải được dẫn qua ngăn lọc có kết cấu BTCT (với kích thước 1,8m x 1,6m x 1,5m), tại đây chứa các lớp đá 4x6, than hoạt tính để lọc chất rắn lơ lửng và hấp thụ màu, mùi của nước thải. Nước thải sau xử lý được bơm vào bể chứa nước tuần hoàn, tái sản xuất./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 60 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2025
của UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Từ các hoạt động của các phương tiện vận chuyển và sản xuất của Dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực sản xuất trong khuôn viên nhà máy của Dự án.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
70	55	Khu vực thông thường	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

3.2. Độ rung

Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
70	60	Khu vực thông thường	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Các khu vực đặt dây chuyền sản xuất cách ly với khu vực văn phòng để giảm sự cộng hưởng của tiếng ồn.

- Trang bị dụng cụ bảo hộ chống ồn cho công nhân tại các công đoạn phát sinh tiếng ồn lớn.

- Vận hành máy móc thiết bị theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Các máy móc thiết bị rung lớn được lắp đặt trên nền bê bằng phẳng và chắc chắn, bằng bê tông. Móng bê máy đúc đủ khối lượng, sử dụng bê tông mác cao, tăng chiều sâu móng, đào rãnh đổ cát khô để tránh rung theo mặt nền. Lắp đặt lớp đệm cao su chân máy để giảm rung khi máy hoạt động.

- Trồng cây xanh quanh Dự án tạo dải phân cách, hạn chế sự lan truyền tiếng ồn sang các khu vực lân cận.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 60 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2025
của UBND thành phố)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	40	18 02 01
2	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	30	18 01 03
3	Ắc quy chì thải	Rắn	10	19 06 01
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	25	17 02 03
5	Xi than	Rắn	60.900	04 02 01
	Tổng		61.005	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
1	Bụi thu gom từ công trình, thiết bị xử lý bụi	06 02 04	78.000	Rắn
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý (bao bì mềm, giấy ni lông,...)	18 01 05	9.360	Rắn

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
3	Than hoạt tính	18 02 02	5	Rắn
4	Tro đáy	04 02 06	200	Rắn
5	Bùn thải (phân bùn từ bể tự hoại)	12 06 12	500	Bùn
	Tổng		88.065	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 7 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Chất thải nguy hại được thu gom và lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành.

- Chất thải nguy hại được thu gom và lưu chứa trong các thùng HDPE loại 60 lít, 120 lít có dán nhãn phân biệt, mã chất thải nguy hại, ký hiệu cảnh báo (Số lượng: 1 thùng 60 lít, 3 thùng 120 lít).

- Không thu gom lẫn lộn các loại chất thải nguy hại trong quá trình lưu giữ.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Kho lưu giữ CTNH có diện tích 4,5m². Chủ dự án phải hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

- Xi than: Chủ dự án đã xây dựng khu vực chứa xỉ than có diện tích khoảng 54m² đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định để lưu chứa xỉ than (có mái che kín mưa, có cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt, mặt sàn bảo đảm kín, tránh nước mưa từ bên ngoài vào,...).

- Chủ dự án phải tiến hành phân định xỉ than theo quy chuẩn kỹ thuật hiện hành. Trường hợp kết quả phân định xác định là chất thải nguy hại, chủ dự án phải quản lý xỉ than theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại; hợp đồng với đơn vị có chức năng để chuyển giao, xử lý theo đúng quy định. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép môi trường, yêu cầu chủ dự án rà soát, ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Chủ dự án phải tiến hành phân loại chất thải rắn sinh hoạt thành các nhóm khác nhau để tái chế, tái sử dụng hoặc chuyển giao để xử lý theo quy định tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND tỉnh về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (*nay là thành phố Huế*). Bố trí bao bì/thiết bị lưu chứa phù hợp với các nhóm chất thải sinh hoạt sau khi đã phân loại.

- Tại khu vực văn phòng, khu vực sản xuất, nhà ăn, khuôn viên dự án: Bố trí 09 thùng HPDE (60 lít/thùng).

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Chất thải rắn sinh hoạt được tập kết về kho chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích khoảng 7,5 m² phía Tây Nam.

- Chủ dự án phải hợp đồng với đơn vị có chức năng tại địa phương vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép môi trường, yêu cầu chủ dự án rà soát, ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định trong trường hợp hợp đồng đã ký hết hiệu lực.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bụi thu gom từ công trình, thiết bị xử lý bụi, Chủ dự án tiến hành thu gom và tái sử dụng để làm nguyên liệu sản xuất. Đối với bao bì mềm, giấy ni lông,... được thu gom, tái sử dụng 100% để dựng thành phẩm. Đối với tro đáy, xỉ từ quá trình sấy lò nung (*Dùng củi để sấy lò giai đoạn đầu sau đó sấy bằng khí than khi nhiệt lên cao*) được sử dụng để làm phân bón cho cây trồng trong khuôn viên Nhà máy và các cá nhân có nhu cầu để bón cây. Đối với than hoạt tính được thu gom, hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định. Ngoài ra, hoạt động của Dự án phát sinh phân bùn từ bể tự hoại. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng hút hầm định kỳ.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát trong quá trình hoạt động của dự án được thu gom và xử lý, không thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố cháy nổ

- Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy, bể bơm nước cứu hỏa;

- Định kỳ tổ chức tập huấn phương án chữa cháy cho CBCNV;

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị điện, vận hành máy móc đúng quy trình, các kho chứa nguyên liệu, phế liệu phải thông thoáng, gọn gàng, vệ sinh sạch sẽ;

- Khi có cháy nổ xảy ra, lập tức báo ngay cho lực lượng PCCC để kịp thời ứng cứu.

2. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố tại hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, công nhân kiến thức về phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ khí thải và biện pháp sơ cứu, cấp cứu khi xảy ra sự cố;

- Bố trí cán bộ, công nhân kiểm tra hệ thống lò nung, lò sấy, đường ống dẫn khí, các thiết bị xử lý bụi tại mỗi ca làm việc;

- Tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hệ thống lò nung, lò sấy, đường ống dẫn khí, các thiết bị xử lý bụi theo định kỳ;

- Có cán bộ, công nhân thường xuyên theo dõi hệ thống để kịp thời phát hiện các sự cố xảy ra như: hỏng hóc máy móc, khí thải xử lý chưa đảm bảo đạt chất lượng theo yêu cầu, ...;

- Khi có sự cố về hệ thống xử lý khí thải, tạm thời dừng hệ thống và dừng các hoạt động sản xuất./.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 60 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2025 của UBND thành phố)

1. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án. Tăng cường công tác vệ sinh nhà xưởng *(tại các nhà xưởng, sân bãi, dọc các tuyến đường đi,...)*. Thường xuyên nạo vét, vệ sinh, khơi thông hệ thống thu gom nước thải, hệ thống thoát nước mưa của dự án. Tuyệt đối không có bất cứ hoạt động xả nước thải ra môi trường hoặc xả ra bên ngoài khuôn viên dự án dưới mọi hình thức. Đảm bảo tuân thủ tuyệt đối việc xử lý, tuần hoàn toàn bộ các loại nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường *(đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ)*; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường *(đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất theo quy định hiện hành.

4. Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi dự án. Có nhân sự, tổ hoặc đội bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát; xây dựng, lắp đặt công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; có phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; ban hành, niêm yết công khai và tổ chức thực hiện quy định, quy chế về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường nơi công cộng thuộc phạm vi dự án.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm *(trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường)* hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phải tuân thủ xử lý khí thải từ hệ thống lò nung, lò sấy, đã được cấp phép đảm bảo đạt quy định trước khi xả ra

môi trường; thực hiện quan trắc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết. Đảm bảo bố trí đầy đủ sàn thao tác, điểm (*cửa*) lấy mẫu khí thải phục vụ việc lấy mẫu đối với quan trắc định kỳ và quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm.

7. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về thông tin, số liệu trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án. Trong quá trình hoạt động, phải thực hiện thủ tục xin cấp đổi, điều chỉnh hoặc cấp lại Giấy phép môi trường nếu thuộc các trường hợp theo quy định tại Điều 44 của Luật Bảo vệ môi trường.

8. Nội dung thẩm định, cấp phép môi trường không thay thế và không làm giảm trách nhiệm của chủ dự án liên quan đến mọi hoạt động trong quá trình đầu tư, xây dựng và vận hành Nhà máy theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan khác. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp bị phát hiện vi phạm, xử lý theo quy định của pháp luật./.